

CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP XÃ HỘI CHO TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY: MỘT SỐ BÀN LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

LÊ THỊ THU*

Tóm tắt: Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em nói chung, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt nói riêng luôn là mối quan tâm hàng đầu của Đảng, Nhà nước ta. Đặc biệt, từ khi đất nước ta bước vào giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, vấn đề này lại càng được coi trọng, thể hiện rõ ở việc nhà nước đã ban hành nhiều chính sách để hỗ trợ cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Trong khuôn khổ bài viết, tác giả sẽ khái quát các chính sách trợ giúp xã hội cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và đưa ra một vài ý kiến bàn luận làm căn cứ cho việc đề xuất các giải pháp, góp phần hoàn thiện hệ thống chính sách đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

Từ khóa: An sinh xã hội; chính sách xã hội; hỗ trợ xã hội; công tác xã hội; trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

Abstract: The protection, care and education for children in general and children in special circumstances in particular are always the top concerns of our Party and State. Especially, since our country entered the stage of accelerating industrialization, modernization and international economic integration, these issues have been given more and more attention that is clearly reflected in the supporting policies for children in special circumstances issued by the State. In this article, the author will outline the social assistance policies for children in special circumstances and raise some ideas as a basis to propose solutions, contributing to the improvement of policy system for the target group.

Key words: Social welfare; social policy; social assistance; social work; children in special circumstances

1. Đặt vấn đề

Việc tăng trưởng kinh tế trong những năm qua đã làm thay đổi mức sống dân cư, nhưng cũng làm nảy sinh nhiều vấn đề xã hội khiến nhiều nhóm đối tượng rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, trong đó có trẻ em. Luật Trẻ em năm 2016 của Việt Nam quy định: “Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt là trẻ em không đủ điều kiện thực hiện quyền được sống, quyền được bảo vệ,

* Học viện Phụ nữ Việt Nam

quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng, quyền học tập, cần có sự hỗ trợ, can thiệp đặc biệt của Nhà nước, gia đình và xã hội để được an toàn, hòa nhập gia đình, cộng đồng” (khoản 10, điều 4, Luật Trẻ em năm 2016). Theo Luật Trẻ em năm 2016, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chia thành 14 nhóm sau: 1) Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ; 2) trẻ em bị bỏ rơi; 3) trẻ em không nơi nương tựa; 4) trẻ em khuyết tật; 5) trẻ em nhiễm HIV/AIDS; 6) trẻ em vi phạm pháp luật; 7) trẻ em nghiện ma túy; 8) trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở; 9) trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực; 10) trẻ em bị bóc lột; 11) trẻ em bị xâm hại tình dục; 12) trẻ em bị mua bán; 13) trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc cận nghèo; 14) trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc.

Trẻ em là tương lai của đất nước. Vì nhiều lí do khác nhau, số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ngày càng tăng. Năm 2015 là 1.453.441 đến năm 2016 đã tăng lên 1.444.792 ngàn. Các chính sách trợ giúp xã hội cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đang được từng bước xây dựng và dần hoàn thiện song vẫn còn nhiều bất cập.

Bài viết phản ánh thực trạng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khái quát các chính sách trợ giúp xã hội cho trẻ em, đưa ra bàn luận và đề xuất giải pháp để góp phần hoàn thiện hệ thống chính sách trợ giúp xã hội cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt dựa trên việc phân tích số liệu, văn bản, chính sách pháp luật có liên quan đến trợ cấp cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và các báo cáo nghiên cứu thực trạng thực hiện chính sách trợ cấp xã hội cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2015, năm 2016.

2. Khái quát về tình hình trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

Đánh giá của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2015, cho thấy phần lớn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tập trung tại các vùng có điều kiện kinh tế khó khăn.

Theo thống kê của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2016, tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (theo quy định của Luật Chăm sóc, giáo dục trẻ em năm 2015 có 10 nhóm đối tượng) của cả nước là 1.444.792 trẻ, chiếm 5,55% tổng số trẻ em. Trong số trẻ em đặc biệt khó khăn, số trẻ em khuyết tật chiếm nhiều nhất là 1.223.185, tiếp đó là số trẻ em không nơi nương tựa bị bỏ rơi với 156.016 trẻ. So với năm 2015, tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được quy định trong luật giảm 8.649 em trong đó trẻ khuyết tật giảm 352 em, trẻ bị xâm hại tình dục giảm 339 em, trẻ nghiện ma túy giảm 159 trẻ.

Bảng 1: Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt năm 2015 và 2016

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
Tổng số trẻ em dưới 16 tuổi	26.023.695	26.025.203
Tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	1.453.441	1.444.792
Tỉ lệ (%)	5,59	5,55
1. Trẻ em mồ côi không nơi nương tựa bị bỏ rơi	170.016	156.016

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
2. Trẻ tàn tật/khuyết tật	1.223.537	1.223.185
3. Trẻ em là nạn nhân của chất độc hóa học	11.700	13.349
4. Trẻ em nhiễm HIV/AIDS	5.103	5.301
5. Trẻ em lao động trong điều kiện nặng nhọc nguy hiểm	15.720	19.720
6. Trẻ em lang thang	6.954	7.308
7. Trẻ em bị xâm hại tình dục	1.550	1.211
8. Trẻ em nghiện ma túy	1.104	945
9. Người chưa thành niên vi phạm pháp luật	6.607	6.607
10. Trẻ em làm việc xa gia đình	11.150	11.150

(Nguồn: Bộ Lao động Thương binh và Xã hội năm 2016)

Luật Trẻ em năm 2016 được Quốc hội thông qua vào ngày 05/4/2016 và có hiệu lực thi hành vào ngày 01/6/2017. So với Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, luật Trẻ em đã được bổ sung thêm 4 nhóm trẻ là trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực; trẻ em bị bóc lột; trẻ em bị mua bán; trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo; trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha, mẹ hoặc không có người chăm sóc. Do vậy, số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt năm 2017 tăng so với năm 2016. Theo báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2017; phương hướng nhiệm vụ năm 2018 về Lĩnh vực người Lao động – Người có công và Xã hội, tính đến cuối năm 2017, cả nước có khoảng 26 triệu trẻ em (dưới 16 tuổi), trong đó có gần 1,5 triệu trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và khoảng 2,1 triệu trẻ em có nguy cơ bị rơi vào hoàn cảnh đặc biệt. Như vậy, số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trong những năm qua có xu hướng tăng.

3. Khái quát về chính sách trợ giúp xã hội cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

Theo Trung tâm Nghiên cứu và phân tích chính sách (2011), chính sách xã hội là một tập hợp biện pháp được thể chế hóa mà một chủ thể quyền lực hoặc chủ thể quản lý đưa ra trong đó tạo sự ưu đãi cho một hoặc một số nhóm xã hội, kích thích vào động cơ hoạt động của họ, định hướng hoạt động của họ nhằm thực hiện mục tiêu ưu tiên nào đó trong chiến lược phát triển của một hệ thống xã hội.

Nghiên cứu của tác giả Hoàng Thanh Hằng (2019), cho thấy chính sách xã hội là một dạng chính sách được nhà nước ban hành nhằm cung cấp cho người dân những dịch vụ xã hội tốt nhất và các chính sách xã hội nhằm hỗ trợ cho các đối tượng khó khăn của xã hội. Chính sách xã hội là biện pháp được Đảng và Nhà nước đề ra nhằm hỗ trợ các đối tượng chính sách của xã hội, phục vụ cho lợi ích chung của xã hội.

Như vậy chính sách xã hội được hiểu đơn giản là sự tổng hợp các phương thức, các biện pháp được các tổ chức chính trị, Đảng, Nhà nước đưa ra với mục đích nhằm thỏa mãn cho nhu cầu vật chất và tinh thần của người dân, các chính sách đưa ra phải phù hợp với sự phát triển của đất nước nhằm ổn định xã hội thông qua những tác động cụ thể đến các đối tượng khác nhau, được phân theo nhóm để hưởng các chính sách xã hội mà nhà nước ban hành.

Từ các khái niệm trên, tác giả bài viết đưa ra khái niệm về chính sách trợ giúp xã hội cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt như sau: *Chính sách trợ giúp xã hội cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt là một tập hợp các biện pháp được thể chế hóa nhằm đảm bảo điều kiện sinh sống thiết yếu đối với các nhóm trẻ em trong xã hội khi họ rơi vào hoàn cảnh rủi ro, bất hạnh, nghèo đói, yếu thể hoặc hằng hụt trong cuộc sống mà bản thân có thể không được sống cùng với gia đình ở mức tối thiểu.*

Chính sách trợ giúp xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được quy định tại điều 19, Nghị định 56/2017/NĐ-CP “hướng dẫn Luật trẻ em”. Theo đó:

1. Nhà nước thực hiện chế độ trợ cấp hàng tháng đối với cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế; hỗ trợ chi phí mai táng và chế độ trợ cấp, trợ giúp khác cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo quy định của pháp luật về chính sách trợ giúp xã hội.

2. Nhà nước hỗ trợ tiền ăn, ở, đi lại theo quy định của pháp luật về chính sách trợ giúp xã hội cho trẻ em bị xâm hại và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đang được bảo vệ khẩn cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định này.”

Các quy định chi tiết về chính sách trợ giúp xã hội cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được cụ thể hóa trong Nghị định của Chính phủ số 136/2013/NĐ-CP ban hành ngày 21/10/2013 về ”quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội” và Nghị định của Chính phủ số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 ” quy định chi tiết và thi hành một số điều của luật Người khuyết tật năm 2010:.

Chính sách trợ giúp xã hội cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt bao gồm chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên và chính sách trợ giúp xã hội đột xuất.

Chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

Trong nghiên cứu Tổng quan và đề xuất đổi mới hệ thống trợ giúp xã hội Việt Nam của tác giả Stephen Kidd và các đồng sự (2016), trợ giúp xã hội thường xuyên được chi trả từ nguồn thu ngân sách chung của Chính phủ, nhằm hỗ trợ các cá nhân, hộ gia đình thông qua một khoản thu nhập tối thiểu. Các khoản trợ cấp này có thể dưới hình thức quyền được hưởng, theo đó tất cả thành viên của một nhóm đối tượng cụ thể (trẻ em, người cao tuổi hay người khuyết tật) đều được nhận trợ cấp - hoặc trợ cấp có thể được chi trả trực tiếp cho người nghèo như một hình thức chi trả phúc lợi.

Bảng 2: Chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

Tên nhóm trẻ em	Chế độ chính sách đối với trẻ sống trong cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội	Chế độ chính sách đối với nhóm trẻ sống tại cộng đồng
1. Trẻ em mồ côi cả cha lẫn mẹ	<ul style="list-style-type: none"> - Được trợ cấp 1.350.000 đồng/tháng/trẻ dưới 4 tuổi - Được trợ cấp 1.080.000 đồng/tháng/trẻ từ 4 tuổi đến 16 tuổi - Được cấp thẻ bảo hiểm y tế - Hỗ trợ chi phí mai táng phí - Được cung cấp vật dụng phục vụ cho sinh hoạt thường ngày (chăn màn, chiếu, quần áo, khăn mặt, bàn chải đánh răng, giày dép, thuốc chữa bệnh thông thường) - Được cung cấp sách vở, đồ dùng học tập 	<ul style="list-style-type: none"> - Được trợ cấp 675.000 đồng/tháng/trẻ dưới 4 tuổi - Được trợ cấp 405.000 đồng/tháng/trẻ từ 4 tuổi đến 16 tuổi - Được cấp thẻ bảo hiểm y tế - Được hưởng chính sách hỗ trợ giáo dục và đào tạo theo quy định của pháp luật - Được hỗ trợ chi phí mai táng
2. Trẻ em bị bỏ rơi	<ul style="list-style-type: none"> - Được trợ cấp 1.350.000 đồng/tháng/trẻ dưới 4 tuổi - Được trợ cấp 1.080.000 đồng/tháng/trẻ từ 4 tuổi đến 16 tuổi - Được cấp thẻ bảo hiểm y tế - Hỗ trợ chi phí mai táng phí - Được cung cấp vật dụng phục vụ cho sinh hoạt thường ngày (chăn màn, chiếu, quần áo, khăn mặt, bàn chải đánh răng, giày dép, thuốc chữa bệnh thông thường) - Được cung cấp sách vở, đồ dùng học tập 	<ul style="list-style-type: none"> - Được trợ cấp 675.000 đồng/tháng/trẻ dưới 4 tuổi - Được trợ cấp 405.000 đồng/tháng/trẻ từ 4 tuổi đến 16 tuổi - Được cấp thẻ bảo hiểm y tế - Được hưởng chính sách hỗ trợ giáo dục và đào tạo theo quy định của pháp luật - Được hỗ trợ chi phí mai táng
3. Trẻ em không nơi nương tựa	<ul style="list-style-type: none"> - Được trợ cấp 1.350.000 đồng/tháng/trẻ dưới 4 tuổi - Được trợ cấp 1.080.000 đồng/tháng/trẻ từ 4 tuổi đến 16 tuổi - Được cấp thẻ bảo hiểm y tế - Hỗ trợ chi phí mai táng phí - Được cung cấp vật dụng phục vụ cho sinh hoạt thường ngày (chăn màn, chiếu, quần áo, khăn mặt, bàn chải đánh răng, giày dép, thuốc chữa bệnh thông thường) - Được cung cấp sách vở, đồ dùng học tập (đối với trẻ trong độ tuổi đi học) 	<ul style="list-style-type: none"> - Được trợ cấp 675.000 đồng/tháng/trẻ dưới 4 tuổi - Được trợ cấp 405.000 đồng/tháng/trẻ từ 4 tuổi đến 16 tuổi - Được cấp thẻ bảo hiểm y tế - Được hưởng chính sách hỗ trợ giáo dục và đào tạo theo quy định của pháp luật - Được hỗ trợ chi phí mai táng
4. Trẻ em khuyết tật	<ul style="list-style-type: none"> - Được trợ cấp 1.080.000 đồng/tháng - Hỗ trợ mai táng phí - Được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí 	<ul style="list-style-type: none"> - Được trợ cấp 675.000 đồng/tháng/trẻ khuyết tật đặc biệt nặng - Được trợ cấp 540.000 đồng/tháng/trẻ khuyết tật nặng

Tên nhóm trẻ em	Chế độ chính sách đối với trẻ sống trong cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội	Chế độ chính sách đối với nhóm trẻ sống tại cộng đồng
	- Được cung cấp vật dụng sinh hoạt, thuốc chữa bệnh thông thường, vệ sinh cá nhân hàng tháng cho trẻ em nữ	- Được cấp thẻ bảo hiểm y tế - Được hưởng chính sách về giáo dục và đào tạo theo quy định của pháp luật - Được hỗ trợ chi phí mai táng
	- Được trợ cấp 1.350.000 đồng/tháng/trẻ dưới 4 tuổi - Được trợ cấp 1.080.000 đồng/tháng/trẻ từ 4 tuổi đến 16 tuổi - Được cấp thẻ bảo hiểm y tế	- Được trợ cấp 675.000 đồng/tháng/trẻ dưới 4 tuổi - Được trợ cấp 540.000 đồng/tháng/trẻ từ 4 tuổi đến 16 tuổi
5. Trẻ em nhiễm HIV/AIDS	- Hỗ trợ chi phí mai táng phí - Được cung cấp vật dụng phục vụ cho sinh hoạt thường ngày (chăn màn, chiếu, quần áo, khăn mặt, bàn chải đánh răng, giày dép, thuốc chữa bệnh thông thường) - Được cung cấp sách vở, đồ dùng học tập (đối với trẻ trong độ tuổi đi học)	- Được cấp thẻ bảo hiểm y tế - Được hưởng chính sách đào tạo và tạo việc làm theo quy định của pháp luật - Được hỗ trợ chi phí mai táng

(Nguồn: Tổng hợp từ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ban hành ngày 21/10/2013 về quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 về quy định chi tiết và thi hành một số điều của luật Người khuyết tật năm 2010)

Bảng trên cho thấy số tiền trợ giúp hàng tháng cho mỗi nhóm trẻ có sự linh hoạt. Số tiền trợ cấp cho các trẻ sống trong trung tâm bảo trợ, nhà xã hội cao hơn số tiền trợ cấp cho nhóm trẻ sống tại cộng đồng. Bên cạnh đó, khoản tiền trợ cấp cho nhóm trẻ dưới 4 tuổi cao hơn so với nhóm từ 4 đến 16 tuổi... Mỗi nhóm trẻ có những đặc điểm riêng, nhu cầu riêng, vì vậy, mức trợ cấp linh hoạt sẽ góp phần đảm bảo cho trẻ có hoàn cảnh đặc biệt một cuộc sống an toàn.

Theo mục 2, điều 4, Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ban hành ngày 21/10/2013 về quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội: “mức chuẩn trợ giúp xã hội là 270.000 đồng. Căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được quyết định mức trợ cấp xã hội, mức trợ cấp nuôi dưỡng, mức hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng và các mức trợ giúp xã hội khác cao hơn các mức tương ứng quy định tại Nghị định này”. Theo tác giả Kim Oanh (báo Vì an ninh tổ quốc ngày 18/11/2019) cho biết một số tỉnh, thành phố trên cả nước đã nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Thành phố Hồ Chí Minh ban hành mức chuẩn trợ giúp xã hội của địa phương là 380.000 đồng (tăng cao hơn mức chuẩn của quốc gia 41%). Thành phố Hà Nội ban hành mức chuẩn trợ giúp xã hội của địa phương là 350.000 đồng (tăng cao hơn mức chuẩn của quốc gia 30%). Thành phố Đà Nẵng ban hành

mức chuẩn trợ giúp xã hội của địa phương là 350.000 đồng (tăng cao hơn mức chuẩn của quốc gia 30%).

Chính sách trợ giúp đột xuất cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

Trong nghiên cứu Tổng quan và đề xuất đổi mới hệ thống trợ giúp xã hội Việt Nam của nhóm tác giả Stephen Kidd (2016), chính sách trợ giúp đột xuất cung cấp các hỗ trợ trong thời gian ngắn hạn cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi các thiên tai, khủng hoảng. Trợ giúp không chỉ bằng tiền mặt mà còn bằng hiện vật, dưới nhiều hình thức, bao gồm hỗ trợ nhà ở.

Bảng 3: Các chính sách trợ giúp xã hội đột xuất cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

Tên nhóm trẻ	Các chính sách trợ giúp xã hội được hưởng
1. Trẻ nhiễm HIV mất nguồn nuôi dưỡng	<ul style="list-style-type: none"> - Được hưởng mức trợ cấp hàng tháng theo hệ số tương ứng độ tuổi theo quy định của Thành phố. - Được cấp thẻ BHYT. - Được cung cấp vật dụng phục vụ sinh hoạt hàng ngày như chăn màn quần áo... Chi phí thuốc chữa bệnh thông thường, đồ dùng học tập đi học theo cấp học. - Hỗ trợ giáo dục đào tạo và tạo việc làm. - Hỗ trợ mai táng theo quy định
2. Trẻ em phải bỏ học kiếm sống, chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở	<ul style="list-style-type: none"> - Được hỗ trợ tiền ăn trong thời gian sống tại hộ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chờ đưa về cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội - Chi phí chữa bệnh trong trường hợp cần chữa bệnh nhưng không có bảo hiểm y tế - Chi phí đưa đối tượng về nơi cư trú hoặc đến cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội
3. Trẻ em bị bóc lột	<ul style="list-style-type: none"> - Được hỗ trợ tiền ăn trong thời gian sống tại hộ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chờ đưa về cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội. - Chi phí chữa bệnh trong trường hợp cần chữa bệnh nhưng không có bảo hiểm y tế - Thời hạn theo quyết định, nếu đủ điều kiện sẽ chuyển vào TTBTXH.
4. Trẻ em bị xâm hại tình dục	Nhà nước hỗ trợ tiền ăn, ở, đi lại theo quy định của pháp luật về chính sách trợ giúp xã hội cho trẻ em bị xâm hại
5. Trẻ em bị mua bán	Được cung cấp nhu yếu phẩm, hỗ trợ tiền ăn, ở, đi lại, tâm lý theo quy định của pháp luật về chính sách trợ giúp xã hội cho trẻ em bị xâm hại
6. Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực	<ul style="list-style-type: none"> - Được đưa vào các trung tâm bảo trợ để nuôi dưỡng để chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chờ đưa về cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội hoặc cộng đồng. - Hỗ trợ giáo dục đào tạo và tạo việc làm.

(Nguồn: Tổng hợp từ Nghị định số 136/2013/NĐ - CP ban hành ngày 21/10/2013 về quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị định số 28/2012/NĐ - CP ngày 10/4/2012 về quy định chi tiết và thi hành một số điều của luật Người khuyết tật năm 2010)

Nghị định số 136/2013/NĐ - CP quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội được ban hành vào ngày 21/10/2013 khi đó chưa có luật Trẻ em nên các chế độ chính sách trợ giúp xã hội đối với một số nhóm trẻ bao gồm trẻ em vi phạm pháp luật, trẻ em nghiện ma túy, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo, trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc chưa được quy định cụ thể và chi tiết trong nghị định này.

Thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

Trong những năm qua, nhiều trẻ em trong các cơ sở bảo trợ xã hội và tại cộng đồng đã được hưởng các chính sách nói trên, cụ thể như sau:

Bảng 4: *Thống kê về số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đã được hưởng chính sách trợ giúp xã hội*

Đối tượng	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1. Trẻ em được hưởng trợ giúp xã hội	92.500	107.500	140.000
a) Trẻ em được nuôi dưỡng tại các cơ sở Bảo trợ xã hội, nhà xã hội và nhà mở	12.500	15.000	20.000
b) Trẻ em được hưởng trợ giúp xã hội tại cộng đồng	80.000	92.500	120.000
2. Trẻ em được cấp thẻ Bảo hiểm y tế và giấy khám chữa bệnh (cả trẻ em nghèo)	1.157.095	1.200.000	1.260.000
3. Trẻ em được miễn giảm học phí (cả trẻ em nghèo)	3.235.536	3.247.892	3.272.849
4. Trẻ em được chỉnh hình và phục hồi chức năng	50.000	52.500	55.125
5. Trẻ em được dạy nghề	13.390	13.792	14.060

(Nguồn: Lao động - Thương binh và xã hội, 2015)

Từ số liệu các bảng 2, 3, 4 có thể thấy, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được hưởng các chế độ chính sách trợ giúp xã hội sau:

- Được cấp thẻ bảo hiểm y tế
- Được hỗ trợ chi phí mai táng
- Được hưởng chính sách hỗ trợ giáo dục và đào tạo
- Được tạo việc làm
- Được chỉnh hình, phục hồi chức năng

- Được cấp tiền nuôi dưỡng hàng tháng. Đối với những trẻ sống trong cơ sở bảo trợ, ngoài được cấp tiền nuôi dưỡng, trẻ được cung cấp thêm vật dụng phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày (chăn màn, chiếu, quần áo, khăn mặt, bàn chải, thuốc chữa bệnh.....), được cung cấp sách vở, đồ dùng học tập.

Bên cạnh đấy, để được hỗ trợ chi phí ăn trong thời gian chờ đưa về cơ sở bảo trợ/nhà xã hội, hỗ trợ chi phí đưa về nơi cư trú/cơ sở bảo trợ, chi phí khám chữa bệnh (nếu cần) đối với trẻ cần hỗ trợ khẩn cấp

3. Một số bàn luận

Hiện nay, chính sách trợ giúp xã hội cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt có một số vấn đề như sau:

Thứ nhất, các chế độ, chính sách mới chỉ bảo đảm hỗ trợ được một phần các nhu cầu thiết yếu của đối tượng đúng như Kidd & cộng sự (2016). Mức chuẩn trợ cấp xã hội là 270.000 đồng/tháng, tương đương với 25kg gạo, bằng 20% mức lương cơ sở, tương đương khoảng 7,5% GDP bình quân đầu người.

Thứ hai, kể từ năm 2013 đến nay, mức chuẩn trợ giúp xã hội vẫn ở mức 270.000 đồng/tháng trong khi mức lương cơ sở và chuẩn nghèo đã thay đổi nhiều lần. Từ năm 2013 đến nay mức lương cơ sở đã được điều chỉnh 4 lần, tăng 30% (tháng 7/2013 là 1.150.000 đồng, tháng 5/2016 là 1.210.000 đồng, tháng 7/2017 là 1.300.000 đồng, tháng 7/2018 là 1.390.000 đồng); Chuẩn nghèo thu nhập tăng gần 57% (giai đoạn 2011-2015 là 400.000 đồng đối với khu vực nông thôn, 500.000 đồng đối với khu vực thành thị; giai đoạn 2016-2020 là 700.000 đồng đối với khu vực nông thôn và 900.000 đồng đối với khu vực thành thị). Vì vậy, hiệu quả chính sách chưa cao, chưa hỗ trợ được nhu cầu thiết yếu của trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

Thứ ba, chính sách trợ giúp xã hội cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt chưa bao phủ tất cả các trẻ. Theo Bộ Lao động Thương binh & Xã hội (2020) tỉ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp chỉ chiếm 70%, không đạt chỉ tiêu được đưa ra từ đầu năm.

Thứ tư, đối với những nhóm trẻ có hoàn cảnh đặc biệt mới được đưa vào luật Trẻ em năm 2016: trẻ vi phạm pháp luật, trẻ nghiện ma túy, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo, trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc thì chưa được hưởng lợi từ các chính sách trợ giúp xã hội.

4. Khuyến nghị

Từ những phân tích và bàn luận trên, tác giả đưa ra một số đề xuất nhằm góp phần hoàn thiện chính sách trợ giúp xã hội cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt như sau:

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách trợ giúp xã hội cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo hướng bổ sung các quy định về chế độ trợ giúp xã hội cho 4 nhóm trẻ: trẻ vi phạm pháp luật, trẻ nghiện ma túy, trẻ mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo; trẻ di cư, trẻ lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc đảm bảo các quyền của trẻ em theo qui định của pháp luật.

Thứ hai, tăng nguồn phân bổ ngân sách cho các chương trình trợ giúp xã hội cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, xem xét việc tăng mức hỗ trợ tối thiểu cho đồng bộ với việc tăng mức lương tối thiểu, thu nhập tối thiểu của hộ nghèo, cận nghèo và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của từng địa phương.

Thứ ba, đưa vấn đề hỗ trợ cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm của địa phương. Đồng thời, xây dựng cách thức xác định đối tượng để đảm bảo quyền được tiếp cận trợ giúp của các nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Bên cạnh nguồn ngân sách của Nhà nước, địa phương, có thể xem xét vốn đối ứng, huy động các nguồn tài chính từ cộng đồng để tăng sự hỗ trợ cho trẻ em trên địa bàn. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân có tiềm năng trên địa bàn cùng tham gia chương trình này.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Lao động - Thương binh và xã hội. (2015). *Xây dựng môi trường bảo vệ trẻ em Việt Nam*. Đánh giá pháp luật và chính sách bảo vệ trẻ em, đặc biệt là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở Việt Nam. Hà Nội: Nxb Văn hóa - Thông tin.
- Bộ Lao động - Thương binh và xã hội. (2019). *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2019, phương hướng nhiệm vụ năm 2020 lĩnh vực lao động và người có công*.
- Nguyễn Hải Hữu. (2019). *Xây dựng hệ thống trợ giúp xã hội toàn diện có khả năng ứng phó với rủi ro*.
- Nguyễn Thị Lan Hương. (2010). An sinh xã hội và ổn định kinh tế vĩ mô duy trì tăng trưởng, *Kỷ yếu hội thảo: Ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì đà tăng trưởng: Kinh tế Việt Nam năm 2010 và triển vọng năm 2011*. Thành phố Hồ Chí Minh.
- Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2016) *Luật Trẻ em*.
- S. Kidd. Tareq Abu-el-Haj. B. Khondker. O. Watson. S. Ramkissoon. (2016). *Tổng quan và đề xuất đổi mới hệ thống trợ giúp xã hội Việt Nam*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2012). *Nghị định số 28/2012/NĐ - CP ban hành ngày 10/4/2012 quy định chi tiết một số điều và thi hành luật Người khuyết tật Năm 2010*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2013). *Nghị định số 136/2013/NĐ - CP ban hành ngày 21/10/2013 quy định về mức trợ cấp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2017). *Nghị định số 56/2017/NĐ - CP hướng dẫn thi hành luật Trẻ em năm 2016*.
- Tô Đức. (2016). Thực trạng và kiến nghị hoàn thiện pháp luật về trợ giúp xã hội cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. *Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội, Học viện Khoa học xã hội, số 3, năm 2016*.
- Trung tâm nghiên cứu và phân tích chính sách. (2011). *Kĩ năng hoạch định và phân tích chính sách*. Hà Nội: Nxb Thế giới.